

Số: /QĐ-BNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực  
chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Bộ Nông nghiệp và Môi trường

### BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được quy định tại Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

1. Bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự 5, 6, 7 Mục A Phần II và các nội dung

tương ứng tại Mục I Phần I Phụ lục của Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự 8, 9 Phần II Phụ lục I và các nội dung tương ứng tại Mục II Phần I Phụ lục I của Quyết định số 222/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự 9 Mục A Phần II và nội dung tương ứng tại Mục I.A Phần I Phụ lục của Quyết định số 106/QĐ-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Bãi bỏ các nội dung tại số thứ tự 2, 4, 8 Mục I.A Phần I và số thứ tự 2, 4, 8 Mục A Phần II Phụ lục của Quyết định số 318/QĐ-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, các Cục, Văn phòng Bộ, Công thông tin điện tử Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, CNTY.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Quốc Trị**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC**  
**CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày / /2026 của*  
*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN**  
**LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>						
1	3.000125	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo	Số thứ tự I Mục B Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP	Chăn nuôi	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh
2	1.014948	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba	Số thứ tự II Mục B Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP	Chăn nuôi	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh
3	2.001872	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Số thứ tự III Mục B Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP	Thú y	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh
4	1.003026	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Số thứ tự IV Mục B Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP	Thú y	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh
5	1.002992	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi	Số thứ tự V Mục B Phụ lục II Nghị quyết số	Thú y	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
		thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	66.19/2026/NQ-CP		giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh
6	2.001558	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Số thứ tự VII Mục B Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP	Thú y	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh
7	2.001515	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Số thứ tự VIII Mục B Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP	Thú y	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh
8	2.001524	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Số thứ tự IX Mục B Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP	Thú y	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh
9	1.002571	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm	Số thứ tự X Mục B Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP	Thú y	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết TTHC trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y	Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo**

#### **Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi lưu giữ nguồn gen.

Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo; trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

#### **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### *Thành phần hồ sơ:*

Đơn đăng ký trao đổi và lý lịch nguồn gen giống vật nuôi theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi;

Thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo về giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo;

Các văn bản khác có liên quan đến trao đổi nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu (nếu có).

*Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi lưu giữ nguồn gen tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo.

**Phí, lệ phí:** Không.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký trao đổi và lý lịch nguồn gen giống vật nuôi theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ TRAO ĐỔI QUỐC TẾ NGUỒN GEN  
GIỐNG VẬT NUÔI CÓ TRONG DANH MỤC GIỐNG VẬT NUÔI  
CẨM XUẤT KHẨU ĐỂ PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC,  
TRIỂN LÃM, QUẢNG CÁO**

Kính gửi: .....

**I. Tổ chức cung cấp nguồn gen**

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:

**II. Tổ chức tiếp nhận nguồn gen**

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:

**III. Mục đích trao đổi nguồn gen:****IV. Thời gian trao đổi:**

Từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng..... năm.....

**V. Nội dung trao đổi:**

Số lượng, khối lượng, hiện trạng nguồn gen giống vật nuôi trong danh mục cấm xuất khẩu được trao đổi: (chi tiết được trình bày ở phần lý lịch nguồn gen giống vật nuôi cấm xuất khẩu).

**VI. Cam kết:**

Xin cam kết nguồn gen giống vật nuôi cấm xuất khẩu đăng ký trên đây bảo đảm đúng với thực tế.

Thực hiện đúng pháp luật về chăn nuôi, thú y và các quy định hiện hành có liên quan.

Kính đề nghị ..... xem xét giải quyết./.

**Tên tổ chức đăng ký trao đổi nguồn gen***(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)*

**LÝ LỊCH NGUỒN GEN GIỐNG VẬT NUÔI  
CẨM XUẤT KHẨU ĐĂNG KÝ TRAO ĐỔI**

*(Kèm theo Đơn đăng ký trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi cẩm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo)*

TT	Giống vật nuôi cẩm xuất khẩu				Sản phẩm giống vật nuôi cẩm xuất khẩu		
	Tên giống	Nguồn gốc	Cơ sở đang lưu giữ	Số lượng	Loại hình nguồn gen	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
...							

**2. Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba**

**Trình tự thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi lưu giữ nguồn gen.

Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày

nhận được hồ sơ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba; trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Thành phần hồ sơ:*

Đơn đăng ký trao đổi và lý lịch nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi;

Các văn bản có liên quan đến trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm (nếu có).

*Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

**Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi lưu giữ nguồn gen tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chấp thuận trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba.

**Phí, lệ phí:** 850.000 đồng đối với 01 nguồn gen/lần.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký trao đổi và lý lịch nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 94/2015/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi.

- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.

TÊN TỔ CHỨCCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ TRAO ĐỔI NGUỒN GEN  
GIỐNG VẬT NUÔI QUÝ, HIẾM**

Kính gửi: .....

**I. Tổ chức cung cấp nguồn gen**

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

**II. Tổ chức tiếp nhận nguồn gen**

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

**III. Mục đích trao đổi nguồn gen:****IV. Thời gian trao đổi:**

Từ ngày.... tháng..... năm.... đến ngày.... tháng..... năm.....

**V. Nội dung trao đổi:**

Số lượng, khối lượng, hiện trạng nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm được trao đổi: (chi tiết được trình bày ở phần lý lịch nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm)

**VI. Cam kết:**

Xin cam kết nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm đăng ký trên đây bảo đảm đúng với thực tế.

Thực hiện đúng pháp luật về chăn nuôi, thú y và các quy định hiện hành có liên quan.

Kính đề nghị ..... xem xét giải quyết./.

**Tổ chức đăng ký trao đổi nguồn gen**  
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

**LÝ LỊCH NGUỒN GEN GIỐNG VẬT NUÔI  
QUÝ, HIẾM ĐĂNG KÝ TRAO ĐỔI**

*(Kèm theo Đơn đăng ký trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm  
ngày tháng năm )*

TT	Giống vật nuôi quý, hiếm				Sản phẩm giống vật nuôi quý, hiếm		
	Tên giống	Nguồn gốc	Cơ sở đang lưu giữ	Số lượng	Loại hình nguồn gen	Đơn vị tính	Khối lượng/ Số lượng
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
...							

### 3. Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)

#### Trình tự thực hiện:

##### Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) tới Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo một trong các hình thức: trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thẩm định hồ sơ hoặc có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ không đạt yêu cầu.

##### Bước 2: Xử lý hồ sơ

- Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra GMP, đồng thời thông báo lịch kiểm tra cho cơ sở và tiến hành kiểm tra.

- Quá trình kiểm tra:

+ Các cơ sở khi được kiểm tra GMP phải tiến hành báo cáo bằng sơ đồ, biểu đồ và các số liệu ngắn gọn về tình hình hoạt động, công tác triển khai áp dụng GMP;

+ Khi kiểm tra GMP, các hoạt động phải đang được tiến hành;

+ Kiểm tra toàn bộ các hoạt động của cơ sở sản xuất thuốc thú y theo GMP, hồ sơ đăng ký của cơ sở và các quy định chuyên môn hiện hành. Biên bản kiểm tra GMP theo Mẫu số 02.QLT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 32/2026/NĐ-CP.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong trường hợp do thiên tai hoặc phải áp dụng quy định về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm mà không thể thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại hiện trường để cấp giấy chứng nhận. Việc đánh giá trực tiếp tại hiện trường sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định; thực hiện thu hồi ngay giấy chứng nhận đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Xử lý kết quả kiểm tra:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra:

+ Đối với cơ sở đạt yêu cầu, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y cấp Giấy chứng nhận GMP theo Mẫu số 03.QLT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 32/2026/NĐ-CP của Chính phủ, nếu cơ sở không đạt yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với cơ sở đáp ứng điều kiện của GMP nhưng còn một số tồn tại và có thể khắc phục được trong thời gian ngắn, Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở khắc phục, sửa chữa. Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày được kiểm tra, cơ sở phải khắc phục, sửa chữa và gửi báo cáo kết quả bằng văn bản về Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. Trưởng Đoàn kiểm tra xem xét, đề nghị Thủ trưởng Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y cấp Giấy chứng nhận GMP cho cơ sở đáp ứng yêu cầu;

+ Đối với cơ sở chưa đáp ứng điều kiện của GMP phải tiến hành khắc phục, sửa chữa các tồn tại. Sau khi tự kiểm tra đánh giá, nếu đáp ứng các điều kiện của GMP cơ sở tiến hành làm lại hồ sơ đăng ký theo quy định.

**Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký kiểm tra GMP (Mẫu số 2.01 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ);
- Sơ đồ tổ chức và nhân sự của cơ sở;
- Chương trình, tài liệu đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo GMP tại cơ sở;
- Danh mục thiết bị sản xuất, bảo quản và thiết bị kiểm tra chất lượng;
- Danh mục các quy trình thao tác chuẩn;
- Danh mục các mặt hàng đang sản xuất hoặc dự kiến sản xuất;
- Đăng ký môi trường hoặc văn bản đánh giá môi trường theo quy định pháp luật về môi trường;
- Biên bản tự kiểm tra GMP.

Hồ sơ đăng ký kiểm tra GMP phải có trang bìa và mục lục, được sắp xếp đúng theo trình tự của mục lục, có phân cách giữa các phần.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc.

**Đối tượng thực hiện TTHC:**

Tổ chức có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y GMP đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin trên lãnh thổ Việt Nam.

**Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận GMP theo Mẫu số 03.QLT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 32/2026/NĐ-CP (trường hợp hồ sơ đủ điều kiện) hoặc Văn bản thông báo cho tổ chức trường hợp không cấp.

Giấy chứng nhận GMP có giá trị trong thời hạn 05 năm.

**Phí, lệ phí:** Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (cơ sở đăng ký GMP): 18.000.000 đồng.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đăng ký kiểm tra GMP (Mẫu số 2.01 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ);

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y phải thực hiện theo quy định tại Điều 90 của Luật Thú y; pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Địa điểm: Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm.

- Nhà xưởng:

+ Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây ô nhiễm từ bên ngoài;

+ Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

+ Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải.

- Kho chứa nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất và bảo đảm các điều kiện sau đây:

+ Có kho riêng để bảo quản nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm;

+ Có kho riêng bên ngoài để bảo quản dung môi và nguyên liệu dễ cháy nổ;

+ Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

+ Có thiết bị, phương tiện để bảo đảm điều kiện bảo quản.

- Trang thiết bị, dụng cụ phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất; có hướng dẫn vận hành; có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh và bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh, không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm.

- Kiểm tra chất lượng thuốc thú y:

+ Khu vực kiểm tra chất lượng phải tách biệt với khu vực sản xuất; được bố trí phù hợp để tránh nhiễm chéo; các khu vực tiến hành phép thử sinh học, vi sinh;

+ Mẫu, chất chuẩn phải được bảo quản tại khu vực riêng, bảo đảm điều kiện bảo quản;

+ Phải có trang thiết bị phù hợp.

Ngoài các điều kiện trên, cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin phải áp dụng Thực hành tốt sản xuất thuốc của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (GMP - ASEAN) hoặc Thực hành tốt sản xuất thuốc của Tổ chức Y tế Thế giới (GMP - WHO) hoặc Thực hành tốt sản xuất thuốc GMP tương đương nhưng không thấp hơn (GMP - ASEAN).

### **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thú y.

- Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y.

- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../ĐK-....

....., ngày.....tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA GMP**

Kính gửi(\*): .....

Căn cứ (\*\*).....

1. Tên cơ sở: .....

2. Địa chỉ nhà máy: .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: .....

4. Chứng chỉ hành nghề thú y của người trực tiếp quản lý sản xuất thuốc thú y: Số....., ngày.... tháng.... năm ....., nơi cấp....; Người trực tiếp quản lý kiểm nghiệm thuốc thú y: Số....., ngày.... tháng.....năm..., nơi cấp....

5. Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) (đối với trường hợp cơ sở gia hạn kiểm tra GMP): số....., ngày.... tháng.... năm .....

6. Điện thoại:.....

Đề nghị (\*)..... tiến hành kiểm tra cấp/gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc theo GMP-WHO (ASEAN) cho cơ sở chúng tôi đối với các dây chuyền sản xuất thuốc thú y(\*\*\*) sau:

- .....

- .....

- .....

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

**Ghi chú:***(\*) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;**(\*\*) Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;**(\*\*\*) Ghi rõ dây chuyền sản xuất thuốc thú y non-beta lactam hoặc beta-lactam.*

CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA GMP**

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ..... về việc thành lập đoàn kiểm tra GMP tại cơ sở .....

Thành phần đoàn kiểm tra gồm:

1 ..... - Trưởng đoàn.

2 ..... - Ủy viên.

3 ..... - Ủy viên.

.....

..... - Ủy viên, Thư ký.

TÊN CƠ SỞ:

- Địa chỉ:

- Người chịu trách nhiệm:

- Bản đăng ký kiểm tra đề nghị ngày ..... của .....

- Ngày tiến hành kiểm tra: .....

- Nội dung kiểm tra: .....

- Đại diện cơ sở:

1.....

2.....

**I. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

Sau khi thẩm định hồ sơ, nghe báo cáo của cơ sở và tiến hành kiểm tra thực tế, Đoàn kiểm tra có một số ý kiến sau:

**A. Ưu điểm:**

1. Tổ chức và nhân sự: .....

2. Đào tạo: ....

3. Nhà xưởng: ...

4. Thiết bị: .....

5. Vệ sinh và điều kiện vệ sinh: .....

6. Thẩm định: .....

7. Hồ sơ, tài liệu: .....

8. Khiếu nại và thu hồi: .....

9. Tự kiểm tra: ...

10. Kiểm tra chất lượng: ...

11. Kho: ...

**B. Kiến nghị**

1. Tổ chức và nhân sự: .....

2. Đào tạo: ....

3. Nhà xưởng: ...

4. Thiết bị: .....

5. Vệ sinh và điều kiện vệ sinh: .....

6. Thảm định: .....

7. Hồ sơ, tài liệu: .....

8. Khiếu nại và thu hồi: .....

9. Tự kiểm tra:...

10. Kiểm tra chất lượng: ...

11. Kho: ...

**C. Tồn tại:**

.....

**II. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

.....  
 .....

**III. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ**

.....  
 .....

Biên bản này được làm thành 03 (ba) bản. Cơ sở giữ 01 bản, Cơ quan kiểm tra giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

**ĐOÀN KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

1. Trưởng đoàn
2. Thư ký
3. Các Ủy viên

## MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GMP

CƠ QUAN CẤP Số/ Ref.Nº: ...../GCN-.....	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ....., ngày .... tháng .... năm ..... ....., date month year
<b>CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC</b> <i>Certificate of Good Manufacturing Practices (GMP)</i>	
<b>CÔNG TY</b> ..... <i>TÊN CÔNG TY BẰNG TIẾNG ANH</i>	
Địa chỉ: ..... <i>Address: .....</i>	
Đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc”, “Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc” và “Thực hành tốt bảo quản thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y (*) .....	
<i>Conforms to the requirements of Good Manufacturing Practices; Good Laboratory Practices and Good Storage Practices as recommended by the World Health Organization for production lines of .....</i>	
Giấy Chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký/ <i>This certificate is valid for 05 years from the date of approval./</i>	
<b>Nơi nhận/ Recipient:</b> - Công ty ..... - Lưu: .....	<b>THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ</b>
<i>Ghi chú: (*) ghi rõ dây chuyền sản xuất thuốc thú y được cấp.</i>	

CƠ QUAN CẤP Số/ Ref.Nº: ...../GCN-.....	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ....., ngày .... tháng .... năm ..... ....., date month year
<b>CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC</b>	
<b>CÔNG TY</b> ..... <i>TÊN CÔNG TY BẰNG TIẾNG ANH</i>	
Địa chỉ: ..... <i>Address: .....</i>	
Đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc” theo khuyến cáo của Hiệp hội các nước Đông Nam Á đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y (*) .....	
<i>Conforms to the requirements of Good Manufacturing Practices; by the ASEAN for production lines of .....</i>	
Giấy Chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký/ <i>This certificate is valid for 05 years from the date of approval./</i>	
<b>Nơi nhận/ Recipient:</b> - Công ty ..... - Lưu: .....	<b>THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ</b>
<i>Ghi chú: (*) ghi rõ dây chuyền sản xuất thuốc thú y được cấp.</i>	

#### **4. Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)**

##### **Trình tự thực hiện:**

##### **Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) tới Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo một trong các hình thức: trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thẩm định hồ sơ hoặc có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ không đạt yêu cầu.

##### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra GMP, đồng thời thông báo lịch kiểm tra cho cơ sở và tiến hành kiểm tra.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, trường hợp cơ sở đạt yêu cầu, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP). Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

##### **Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến.

##### **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **a) Hồ sơ gồm:**

- Đơn gia hạn kiểm tra GMP (Mẫu số 2.01 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ);
- Báo cáo hoạt động, những thay đổi của cơ sở trong 05 năm triển khai GMP; mô tả thông tin cơ sở đã có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo khắc phục các tồn tại trong kiểm tra lần trước;
- Báo cáo về huấn luyện, đào tạo của cơ sở;
- Danh mục thiết bị hiện có của cơ sở;
- Danh mục các mặt hàng đang sản xuất;
- Danh mục các quy trình thao tác chuẩn;
- Biên bản tự kiểm tra và đánh giá của cơ sở trong đợt tự thanh tra gần nhất (trong vòng 03 tháng) về triển khai GMP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc.

**Đối tượng thực hiện TTHC:**

Tổ chức có nhu cầu xin gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y GMP đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin trên lãnh thổ Việt Nam.

**Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận GMP (trường hợp hồ sơ đủ điều kiện) hoặc văn bản thông báo cho tổ chức trường hợp không cấp.

**Phí, lệ phí:** Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (cơ sở đăng ký GMP): 18.000.000 đồng.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn gia hạn kiểm tra GMP (Mẫu số 2.01 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ).

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y phải thực hiện theo quy định tại Điều 90 của Luật Thú y; pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Địa điểm: Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm.

- Nhà xưởng:

+ Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây ô nhiễm từ bên ngoài;

+ Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

+ Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải.

- Kho chứa nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất và bảo đảm các điều kiện sau đây:

+ Có kho riêng để bảo quản nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm;

+ Có kho riêng bên ngoài để bảo quản dung môi và nguyên liệu dễ cháy nổ;

+ Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

+ Có thiết bị, phương tiện để bảo đảm điều kiện bảo quản.

- Trang thiết bị, dụng cụ phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất; có hướng dẫn vận hành; có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh và bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh, không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm.

- Kiểm tra chất lượng thuốc thú y:

+ Khu vực kiểm tra chất lượng phải tách biệt với khu vực sản xuất; được bố trí phù hợp để tránh nhiễm chéo; các khu vực tiến hành phép thử sinh học, vi sinh;

+ Mẫu, chất chuẩn phải được bảo quản tại khu vực riêng, bảo đảm điều kiện bảo quản;

+ Phải có trang thiết bị phù hợp.

Ngoài các điều kiện trên, cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin phải áp dụng Thực hành tốt sản xuất thuốc của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (GMP - ASEAN) hoặc Thực hành tốt sản xuất thuốc của Tổ chức Y tế Thế giới (GMP - WHO) hoặc Thực hành tốt sản xuất thuốc GMP tương đương nhưng không thấp hơn (GMP - ASEAN).

#### **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thú y.

- Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung, một số điều của 15 Luật lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

- Nghị quyết số 66.19/2026/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

TÊN TỔ CHỨC

**Mẫu số 2.01**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../ĐK-....

....., ngày.....tháng..... năm .....

**ĐƠN GIA HẠN KIỂM TRA GMP**Kính gửi<sup>(\*)</sup>: .....Căn cứ <sup>(\*\*)</sup> .....

1. Tên cơ sở: .....

2. Địa chỉ nhà máy: .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: .....

4. Chứng chỉ hành nghề thú y của người trực tiếp quản lý sản xuất thuốc thú y: Số....., ngày.... tháng.... năm ....., nơi cấp....; Người trực tiếp quản lý kiểm nghiệm thuốc thú y: Số....., ngày.... tháng.....năm..., nơi cấp....

5. Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) (đối với trường hợp cơ sở gia hạn kiểm tra GMP): số....., ngày.... tháng.... năm .....

6. Điện thoại:.....

Đề nghị <sup>(\*)</sup>..... tiến hành kiểm tra cấp/gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc theo GMP-WHO (ASEAN) cho cơ sở chúng tôi đối với các dây chuyền sản xuất thuốc thú y<sup>(\*\*\*)</sup> sau:

- .....

- .....

- .....

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC***(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)***Ghi chú:***(\*) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;**(\*\*) Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;**(\*\*\*) Ghi rõ dây chuyền sản xuất thuốc thú y non-beta lactam hoặc beta-lactam.*

CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA GMP**

Căn cứ Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ..... về việc thành lập đoàn kiểm tra GMP tại cơ sở .....

Thành phần đoàn kiểm tra gồm:

- 1 ..... - Trưởng đoàn.
- 2 ..... - Ủy viên.
- 3 ..... - Ủy viên.

.....  
 ..... - Ủy viên, Thư ký.

TÊN CƠ SỞ:

- Địa chỉ:
- Người chịu trách nhiệm:
- Bản đăng ký kiểm tra đề nghị ngày ..... của .....
- Ngày tiến hành kiểm tra: .....
- Nội dung kiểm tra: .....
- Đại diện cơ sở:
- 1.....
- 2.....

**I. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

Sau khi thẩm định hồ sơ, nghe báo cáo của cơ sở và tiến hành kiểm tra thực tế, Đoàn kiểm tra có một số ý kiến sau:

**A. Ưu điểm:**

1. Tổ chức và nhân sự: .....
2. Đào tạo: ....
3. Nhà xưởng: ...
4. Thiết bị: .....
5. Vệ sinh và điều kiện vệ sinh: .....
6. Thẩm định: .....
7. Hồ sơ, tài liệu: .....
8. Khiếu nại và thu hồi: .....
9. Tự kiểm tra: ...

10. Kiểm tra chất lượng: ...

11. Kho: ...

**B. Kiến nghị**

1. Tổ chức và nhân sự: .....

2. Đào tạo: ....

3. Nhà xưởng: ...

4. Thiết bị: .....

5. Vệ sinh và điều kiện vệ sinh: .....

6. Thảm định: .....

7. Hồ sơ, tài liệu: .....

8. Khiếu nại và thu hồi: .....

9. Tự kiểm tra:...

10. Kiểm tra chất lượng: ...

11. Kho: ...

**C. Tồn tại:**

.....

**II. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:**

.....  
 .....

**III. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ**

.....  
 .....

Biên bản này được làm thành 03 (ba) bản. Cơ sở giữ 01 bản, Cơ quan kiểm tra giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

**ĐOÀN KIỂM TRA**  
*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

1. Trưởng đoàn
2. Thư ký
3. Các Ủy viên

## MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GMP

CƠ QUAN CẤP Số/ Ref.Nº: ...../GCN-.....	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> Independence - Freedom - Happiness ....., ngày .... tháng .... năm ..... ....., date month year
<b>CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC</b> <i>Certificate of Good Manufacturing Practices (GMP)</i>	
<b>CÔNG TY</b> ..... <i>TÊN CÔNG TY BẰNG TIẾNG ANH</i>	
Địa chỉ: ..... <i>Address:</i> .....	
Đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc”, “Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc” và “Thực hành tốt bảo quản thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y (*) .....	
<i>Conforms to the requirements of Good Manufacturing Practices; Good Laboratory Practices and Good Storage Practices as recommended by the World Health Organization for production lines of .....</i>	
Giấy Chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký/ <i>This certificate is valid for 05 years from the date of approval./</i>	
<b>Nơi nhận/ Recipient:</b> - Công ty ..... - ..... - Lưu: .....	<b>THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ</b>
<i>Ghi chú: (*) ghi rõ dây chuyền sản xuất thuốc thú y được cấp.</i>	

CƠ QUAN CẤP Số/ Ref.Nº: ...../GCN-.....	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> Independence - Freedom - Happiness ....., ngày .... tháng .... năm ..... ....., date month year
<b>CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC</b>	
<b>CÔNG TY</b> ..... <i>TÊN CÔNG TY BẰNG TIẾNG ANH</i>	
Địa chỉ: ..... <i>Address:</i> .....	
Đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc” theo khuyến cáo của Hiệp hội các nước Đông Nam Á đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y (*) .....	
<i>Conforms to the requirements of Good Manufacturing Practices; by the ASEAN for production lines of .....</i>	
Giấy Chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký/ <i>This certificate is valid for 05 years from the date of approval./</i>	
<b>Nơi nhận/ Recipient:</b> - Công ty ..... - ..... - Lưu: .....	<b>THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ</b>
<i>Ghi chú: (*) ghi rõ dây chuyền sản xuất thuốc thú y được cấp.</i>	

## **5. Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)**

### **Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận GMP đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo một trong các hình thức: trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

#### **Bước 2: Xử lý hồ sơ**

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y cấp lại Giấy chứng nhận GMP. Trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Qua môi trường mạng.

#### **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### a) Hồ sơ gồm:

- Đơn gia hạn kiểm tra GMP (Mẫu số 2.02 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ);
- Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi.

##### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức có nhu cầu xin cấp lại Giấy chứng nhận GMP trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký.

**Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận GMP (theo Mẫu số 03.QLT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 32/2026/NĐ-CP hoặc văn bản trả lời).

Giấy chứng nhận GMP cấp lại có thời hạn theo Giấy chứng nhận GMP đã được cấp.

**Phí, lệ phí:** Không.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn gia hạn kiểm tra GMP (Mẫu số 2.02 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ).

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thú y ;
- Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y.
- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.
- Nghị quyết số 66.19/2026/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**TỔ CHỨC, CÁ  
NHÂN**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Số: ...../ĐK-...

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN GMP**

Kính gửi<sup>(\*)</sup>: .....

Căn cứ <sup>(\*\*)</sup>.....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ:**

Tên: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận GMP: Số....ngày....tháng..năm

....

Lý do đề nghị cấp lại:

- Bị sai sót
- Thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký.

Hồ sơ gửi kèm:

Các tài liệu liên quan đến sự thay đổi, bổ sung (nếu có);

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Ghi chú:**

*(\*) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;*

*(\*\*) Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.*

## **6. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện**

### **a) Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1. Đăng ký kiểm dịch**

Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản mang theo người, gửi qua đường bưu điện, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa) qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

Bước 2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

#### **Bước 3. Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện kiểm dịch như sau:**

- Đối với động vật thủy sản: Kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, lấy mẫu xét nghiệm theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

- Đối với sản phẩm động vật thủy sản: Kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, lấy mẫu xét nghiệm theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu:

- + Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- + Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

+ Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện nhốt giữ thủy sản, bao gói sản phẩm thủy sản theo quy định, niêm phong hoặc đánh dấu hàng gửi; xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y để xuất khẩu.

**b) Cách thức thực hiện:** qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**c.1. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

- Văn bản thể hiện yêu cầu nội dung vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Bản chụp có xác nhận của doanh nghiệp Giấy phép xuất khẩu thủy sản do Cơ quan có thẩm quyền cấp đối với các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện theo quy định của pháp luật thủy sản;

- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

**c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

- Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu.

- Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan

kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

**h) Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác.

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026;

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Văn bản giá hiện hành của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Giá và Nghị định 85/2024/NĐ-CP.



**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:**

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm: .....

.....  
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi ..... giờ, ngày ..... tháng ..... năm .....

Vào số số ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):**.....  
.....  
.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU** .....*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***Ghi chú:**

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ (trừ trường hợp gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT  
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 09 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH  
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU**  
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS  
Số: ...../CN-KDTSXK

Number: .....

Tên, địa chỉ người xuất hàng: ..... <i>Name and address of exporter:</i> ..... Tel: ..... Fax: ..... Email: .....				
Tên, địa chỉ người nhận hàng: ..... <i>Name and address of consignee:</i> ..... Tel: ..... Fax: ..... Email: .....				
STT Number	Tên thương mại Trade name	Tên khoa học Scientific name	Số lượng Quantity	Trọng lượng Net weight
Tổng số (Total)				
Mục đích sử dụng: <input type="checkbox"/> Thực phẩm (Human consumption) <input type="checkbox"/> Làm giống (Transplantation: Egg, Gametes etc) <i>Use:</i> <input type="checkbox"/> Làm cảnh (Ornamental) <input type="checkbox"/> Nghiên cứu và thí nghiệm (Research & laboratory) <input type="checkbox"/> Khác (Other): .....				
Quy cách đóng gói: ..... <i>Type of packaged:</i>		Số lượng bao gói: ..... <i>Number of packaged:</i>		
Nước/địa phương xuất hàng: ...../..... <i>Exporting country/locality:</i>		Cửa khẩu xuất: ..... <i>Declared point of exit:</i>		
Phương tiện vận chuyển: ..... <i>Means of transport:</i>		Nước nhập hàng: ..... <i>Importing country:</i>		
<b>CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH</b>				
<b>HEALTH CERTIFICATE</b>				
Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận: <i>I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:</i> <input type="checkbox"/> Số động vật thủy sản trên đã được kiểm tra; động vật khỏe mạnh, âm tính với các bệnh. <i>The aquatic animals described above were examined; animals are healthy, negative with the following diseases:</i> ..... <input type="checkbox"/> Số sản phẩm động vật thủy sản trên đã được kiểm tra, đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y. <i>The aquatic animal products described above were examined, meet the veterinary hygiene standards.</i>				
Giấy có giá trị đến: ...../...../..... <i>Valid up to</i>		Giấy này làm tại ..... ngày ...../...../..... <i>Issued at on</i>		
<b>Kiểm dịch viên động vật</b> (Ký, ghi rõ họ tên) <i>Animal Quarantine Officer</i> (Signature, full name)		<b>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <b>DIRECTOR</b> (Signature, stamp, full name)		

## **7. Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản**

### **a) Trình tự thực hiện**

Bước 1. Trước khi gửi/nhận mẫu bệnh phẩm, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ gồm Đơn theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa) qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

Bước 2. Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

- Kiểm tra văn bản chấp thuận của Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa và các giấy tờ khác có liên quan; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu bệnh phẩm;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu thực hiện việc kiểm tra mẫu bệnh phẩm, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm theo mẫu 14 TS hoặc mẫu 15 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với lô mẫu bệnh phẩm có hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y: được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định.

- Hình thức cấp Giấy chứng nhận vận chuyển: bản điện tử qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công và bản giấy trong trường hợp chủ hàng gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

**b) Cách thức thực hiện:** qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu thực hiện việc kiểm tra mẫu bệnh phẩm, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm theo mẫu 14 TS hoặc mẫu 15 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 đối với lô mẫu bệnh phẩm có hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y: được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm theo mẫu 14 TS hoặc mẫu 15 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.



**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:**

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm: .....

.....  
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi ..... giờ, ngày ..... tháng ..... năm .....

Vào số số ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):**.....  
.....  
.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU** .....*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)***Ghi chú:**

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ (trừ trường hợp gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT  
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 14 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN GỬI MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN**  
CERTIFICATE FOR SENDING THE SAMPLE OF AQUATIC ANIMAL FOR DIAGNOSTIC TESTS

Số: ...../CN-GMBPTS

Number:

Tên, địa chỉ người gửi mẫu: ..... <i>Name and address of sender:</i> ..... Tel: ..... Fax: ..... Email: .....			
Tên, địa chỉ người nhận mẫu: ..... <i>Name and address of recipient:</i> ..... Tel: ..... Fax: ..... Email: .....			
STT Number	Loại mẫu Type of sample	Loại động vật thủy sản/ Tên khoa học Species/Scientific name	Số lượng Quantity
		Tổng số (Total)	
Mục đích sử dụng: ..... <i>Use:</i> .....			
Quy cách đóng gói: ..... <i>Type of packaged:</i> .....		Số lượng bao gói: ..... <i>Number of packaged:</i> .....	
Cửa khẩu xuất: ..... <i>Declared point of exit:</i> .....		Phương tiện vận chuyển: ..... <i>Means of transport:</i> .....	
<b>CHỨNG NHẬN</b> <b>CERTIFICATE</b>			
Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận: <i>I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:</i> Số mẫu bệnh phẩm thủy sản trên được bao gói, bảo quản đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y. <i>The samples aquatic animals for diagnostic tests described above were packaged and preserved meet the veterinary hygiene requirements.</i>			
Giấy có giá trị đến: ...../...../..... <i>Valid up to</i>		Giấy này làm tại ..... ngày ...../...../..... <i>Issued at</i> ..... <i>on</i>	
<b>Kiểm dịch viên động vật</b> (Ký, ghi rõ họ tên) <i>Animal Quarantine Officer</i> (Signature, full name)		<b>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <b>DIRECTOR</b> (Signature, stamp, full name)	

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT



NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu 15 TS

## GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN NHẬN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN

Số: ...../CN-NMBPTS

Number:

Tên, địa chỉ người gửi mẫu: .....

Tel: ..... Fax: ..... Email: .....

Tên, địa chỉ người nhận mẫu: .....

Tel: ..... Fax: ..... Email: .....

STT	Loại mẫu	Loài động vật thủy sản/ Tên khoa học	Số lượng
Tổng số (Total)			

Mục đích sử dụng: .....

Quy cách đóng gói: ..... Số lượng bao gói: .....

Cửa khẩu nhập: ..... Phương tiện vận chuyển: .....

## CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

Số mẫu bệnh phẩm thủy sản trên được bao gói, bảo quản đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

Giấy có giá trị đến: ...../...../.....

Giấy này làm tại ..... ngày ...../...../.....

**Kiểm dịch viên động vật**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## **8. Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản**

### **a) Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1. Đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản**

Khi có yêu cầu nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản từ nước ngoài gửi về Việt Nam hoặc gửi mẫu bệnh phẩm thủy sản từ Việt Nam ra nước ngoài, chủ hàng phải gửi 01 bộ hồ sơ gồm: Đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm theo Mẫu số 2.03 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

Hình thức gửi hồ sơ: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

#### **Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ**

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa xem xét tính đầy đủ, hợp lệ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa có trách nhiệm trả lời chủ hàng bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận gửi qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (trường hợp gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia).

Trường hợp không đồng ý phải trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

**b) Cách thức thực hiện:** qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**c.1. Thành phần hồ sơ:** Đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm theo Mẫu số 2.03 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

**c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận;

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm theo Mẫu số 2.03 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

**Mẫu số 2.03**

Tên tổ chức, cá nhân .....  
 Địa chỉ: .....  
 Tel: .....  
 Fax: .....  
 Email: .....  
 Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**ĐĂNG KÝ GỬI/NHẬN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN**

Kính gửi: .....(1).....

..... (2)..... đề nghị .....(1)..... hướng dẫn việc gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản, chi tiết như sau:

STT	Tên mẫu bệnh phẩm	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính
		Tổng số		

- Tên tổ chức, cá nhân gửi mẫu bệnh phẩm:.....

Địa chỉ: .....  
 .....

- Tên tổ chức, cá nhân nhận mẫu bệnh phẩm:.....  
 .....

Địa chỉ: .....  
 .....

- Cửa khẩu nhập/xuất:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Mục đích sử dụng:.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....  
 .....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

**Tổ chức cá nhân đăng ký**  
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính;

- (2) Tên tổ chức, cá nhân.

## **9. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm**

### **a) Trình tự thực hiện**

1. Kiểm dịch động vật trên cạn nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật

a) Trước khi nhập khẩu động vật trên cạn để tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 (Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu số 2.04 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa) theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);

Trường hợp không đồng ý kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

c) Sau khi có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa, trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đến Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch;

Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu. Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch hướng dẫn và

giám sát chủ hàng thực hiện cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu;

đ) Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch thực hiện:

Kiểm tra lâm sàng động vật, đối chiếu thông tin với hồ sơ kiểm dịch; nếu hồ sơ kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, động vật không có dấu hiệu mắc bệnh nguy hiểm, Cơ quan kiểm dịch tiến hành niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 14a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 để chủ hàng vận chuyển động vật đến nơi cách ly kiểm dịch;

Theo dõi, giám sát động vật tại nơi cách ly kiểm dịch; thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch;

Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; hướng dẫn chủ hàng phòng bệnh bắt buộc đối với động vật chưa được phòng bệnh theo quy định;

Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

e) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

g) Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến về thông tin lô hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu.

2. Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm

a) Trước khi nhập khẩu sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 (Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu số 2.04 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP) tới Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa) theo một trong các hình thức: qua Cổng thông

tin một cửa quốc gia hoặc Công dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Công dịch vụ công (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Công dịch vụ công);

Trường hợp không đồng ý kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Công dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

c) Sau khi có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa, trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đến Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Công dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch;

đ) Cơ quan kiểm dịch động vật thực hiện như sau:

Kiểm thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, nếu đạt yêu cầu thì thực hiện lấy mẫu xét nghiệm theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Lô hàng sản phẩm động vật có trọng lượng dưới 50 kg được miễn Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu và miễn lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm;

Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu; sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm; kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Công dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

e) Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng;

g) Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến về thông tin lô hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu.

3. Kiểm dịch xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật trên cạn sau khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật trường hợp chủ hàng có nhu cầu xuất khẩu

a) Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật có yêu cầu kiểm dịch, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa) theo một trong các hình thức sau: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

c) Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

Kiểm tra lâm sàng đối với động vật; kiểm tra thực trạng hàng hóa đối với sản phẩm động vật; đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch.

Thực hiện kiểm tra các nội dung vệ sinh thú y theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng.

Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 13a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 13b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 13a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 13b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả

lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

Hình thức cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

d) Trường hợp nước nhập khẩu hoặc chủ hàng không có yêu cầu kiểm dịch: Chủ hàng phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

**b) Cách thức thực hiện:** Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi bản chính.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**c.1. Thành phần hồ sơ**

\* Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi tỉnh:

- Đơn đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 1a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

- Đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 1b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

\* Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu:

- Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu số 2.04 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP.

- Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật thuộc đối tượng quản lý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác.

- Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử.

\* Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu:

- Đơn đăng ký kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 2a quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

- Đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 2b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày

01/01/2026.

- Văn bản thể hiện yêu cầu nội dung vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có).

- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

**c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**d) Thời hạn giải quyết:**

\* Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi tỉnh: 01 ngày làm việc hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, cụ thể như sau:

- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

- Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

- Đối với sản phẩm động vật đã được lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh đã được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc cơ sở không phải thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ theo quy định của pháp luật về thú y: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

- Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

\* Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm

dịch trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công);

Trường hợp không đồng ý kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch;

- Trường hợp động vật không phải lấy mẫu xét nghiệm, không cách ly kiểm dịch: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh, được phòng bệnh theo quy định;

- Trường hợp động vật phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh, được phòng bệnh theo quy định; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh.

- Trường hợp động vật phải cách ly kiểm dịch, thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch, nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu.

- Đối với sản phẩm động vật: Nếu lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm trong thời gian 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch chỉ kiểm tra hồ sơ, nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu.

Trường hợp lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đăng ký kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu nếu đạt yêu cầu kiểm dịch.

- Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

\* Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu:

- Trường hợp lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu.

- Trường hợp lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm, Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất

khẩu.

- Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi tỉnh: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 12a hoặc mẫu 12b; Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 12c hoặc mẫu 12d quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

- Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu: Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch; Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

- Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 13a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 13b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

- Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

**h) Phí, lệ phí:**

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm tra, giám sát động vật, sản phẩm động vật: theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Văn bản giá hiện hành của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Giá và Nghị định 85/2024/NĐ-CP.

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi tỉnh: Đơn đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 1a hoặc Đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 1b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

- Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu: Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu số 2.04 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP; Đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

- Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu: Đơn đăng ký kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 2a hoặc Đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 2b quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

**k) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Thú y 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;
- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;
- Thông tư số 01/2026/TT-BNNPTNT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
- Văn bản giá hiện hành của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Giá và Nghị định 85/2024/NĐ-CP.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**  
**VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ...../ĐK-KDDV

Kính gửi: (1).....

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước/số Hộ chiếu/:.....Cấp ngày ...../...../..... tại .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ ĐỘNG VẬT:**

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
			Đực	Cái		
<b>Tổng số</b>						

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Tình trạng sức khỏe động vật: .....

.....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh/cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....

theo Văn bản số ...../.....ngày...../...../.....của .....(2) .....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

2/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

3/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

4/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

5/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh sau (*loại vắc-xin, nơi sản xuất*):

- 1/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....  
 2/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....  
 3/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....  
 4/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....  
 5/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

## II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Nơi đến (*cuối cùng*): .....

Phương tiện vận chuyển.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (*nếu có*):

1/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

2/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

3/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển: .....

Các vật dụng khác liên quan kèm theo: .....

.....

Các giấy tờ liên quan kèm theo: .....

.....

Địa điểm kiểm dịch: .....

Thời gian kiểm dịch: .....

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

### Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

.....

..... vào hồi .....giờ..... ngày ...../...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày ...../...../.....

### KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại.....

Ngày .....tháng .....năm .....

### TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.

- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**  
**VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:...../ĐK-KDSPĐV

Kính gửi: (1).....

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước/số Hộ chiếu: ..... Cấp ngày ...../...../..... tại .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:**

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
<b>Tổng số</b>				

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Cơ sở được giám sát chỉ tiêu vệ sinh thú y định kỳ/số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm, số...../.....ngày...../...../.....của.....(3).....(nếu có);

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

**II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:**

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Nơi đến (cuối cùng): .....

Phương tiện vận chuyển: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ .....Số lượng: ..... Khối lượng: .....

2/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

3/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển: .....

Các vật dụng khác liên quan kèm theo: .....

.....

Các giấy tờ liên quan kèm theo: .....

.....

Địa điểm kiểm dịch: .....

Thời gian kiểm dịch: .....

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

Đăng ký tại.....

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

Ngày .....tháng .....năm .....

..... vào hồi .....giờ..... ngày ...../...../.....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Vào sổ đăng ký số..... ngày ...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,....
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Mẫu số 2.04

**CÔNG TY**.....  
 Địa chỉ: .....  
 Tel: .....  
 Fax: .....  
 Email: .....  
 Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Kính gửi: .....(1)

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty.....  
 ..... đề nghị..... (1) ..... hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu  
 lô hàng:

**I. ĐỘNG VẬT**

STT	Loại động vật	Số lượng (con) <sup>(2)</sup>		Tên, địa chỉ trang trại; mã số (nếu có)	Nước xuất khẩu	Cửa khẩu nhập
		Đực	Cái			
	<b>Tổng số</b>					

- Từ Công ty: .....
- Địa chỉ: .....
- Thời gian thực hiện: .....
- Mục đích sử dụng: .....
- Địa điểm nuôi cách ly kiểm dịch:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....

**II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT**

STT	Tên hàng	Số lượng <sup>(2)</sup> (tấn)	Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất; mã số (nếu có)	Nước xuất khẩu	Cửa khẩu nhập
	<b>Tổng số</b>				

- Từ Công ty: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Thời gian thực hiện: .....
  - Mục đích sử dụng: .....
  - Các giấy tờ có liên quan kèm theo: .....
- Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

**CÔNG TY** .....  
**Giám đốc**  
 (Ký tên, đóng dấu)

- (1) Tên Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính;

- (2) Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH  
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ...../CN-KĐĐV

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (l)	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
<b>Tổng số</b>					

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Phương tiện vận chuyển: ..... Biên kiểm soát: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ..... Số lượng: .....

2/ ..... Số lượng: .....

3/ ..... Số lượng: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh/cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: .....  
 ..... tại kết quả xét nghiệm số: ...../.....  
 ngày ...../ ...../ ..... của ..... (2) .....(gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh:

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....
- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ.....

*Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....*

**Kiểm dịch viên động vật**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Cấp tại ....., ngày ...../...../.....*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

*(1): Đối với động vật làm giống.*

*(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH  
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**  
Số: ...../CN-KDDV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (1)	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
<b>Tổng số</b>					

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Phương tiện vận chuyển: ..... Biển kiểm soát: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ..... Số lượng: .....

2/ ..... Số lượng: .....

3/ ..... Số lượng: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh/cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh: .....

..... tại kết quả xét nghiệm số: ...../ ...../ .....

ngày ...../ ...../ ..... của ..... (2) .....(gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh:

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....

- .....tiêm phòng ngày ...../ ...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH  
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**  
Số: ...../CN-KDSPĐV

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

<b>Loại hàng</b>	<b>Dạng sản phẩm</b>	<b>Quy cách đóng gói, bảo quản</b>	<b>Số lượng (l)</b>	<b>Khối lượng (kg)</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>
<b>Tổng số</b>					

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản: .....

Địa chỉ: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

2/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

3/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát: .....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số: ...../..... ngày ...../...../.....của .....(2).....(gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau: .....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ ..... (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ .....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

**Kiểm dịch viên động vật**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT  
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ...../CN-KDSPĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Dạng sản phẩm	Quy cách đóng gói, bảo quản	Số lượng (l)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
<b>Tổng số</b>					

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản: .....

Địa chỉ: .....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Nơi đến cuối cùng: .....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

2/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

3/ .....Số lượng: .....Khối lượng: .....

Phương tiện vận chuyển: .....Biển kiểm soát:.....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số: ...../..... ngày ...../...../..... của .....(2).....(gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau: .....  
.....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ ..... (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng .....nồng độ .....

Giấy có giá trị đến ngày: ...../...../.....

Cấp tại ....., ngày ...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng .....năm .....

**ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (\*)**

Số: ...../ĐK-KD

Kính gửi: .....(\*\*)

Tên tổ chức, cá nhân khai báo: .....

Địa chỉ: .....

Số căn cước/Hộ chiếu: .....Cấp ngày ...../...../..... tại

.....

Điện thoại: .....Fax .....E-mail .....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (\*\*\*):.....(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh lãnh thổ,...)

Chi tiết lô hàng như sau:

1. Tên hàng hóa: .....
2. Nơi sản xuất : .....
3. Số lượng: .....:
4. Trọng lượng tịnh: .....
5. Trọng lượng cả bì: .....
6. Loại bao bì: .....
7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...): .....
8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....
9. Nước xuất khẩu: .....:
10. Cửa khẩu xuất: .....
11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....
12. Nước nhập khẩu: .....
13. Phương tiện vận chuyển: .....
14. Cửa khẩu nhập: .....
15. Mục đích sử dụng: .....
16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y (nếu có): .....
17. Địa điểm kiểm dịch: .....
18. Thời gian kiểm dịch: .....

19. Địa điểm giám sát (nếu có): .....
20. Thời gian giám sát: .....
21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....
22. Số, ngày vận đơn/hoặc hợp đồng vận chuyên (nếu có): .....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (\*\*\*\*).

**TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: .....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi ..... giờ, ngày ..... tháng ..... năm .....

Vào số số ....., ngày ..... tháng ..... năm.....

.....(\*\*)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(\*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(\*\*) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(\*\*\*) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(\*\*\*\*) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số Hộ chiếu/Số căn cước, ngày tháng và nơi cấp.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Số: ...../CN-KDDVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch:.....

Số căn cước/Số Hộ chiếu:.....Cấp ngày ...../...../..... tại .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
<b>Tổng số</b>					

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

Nước xuất khẩu: ..... Nước quá cảnh (nếu có):.....

Nơi chuyên đến: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có): .....

Phương tiện vận chuyển: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:

a/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

b/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

c/ .....Tiêm phòng ngày ...../...../.....

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ.....

5. Động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../ ..... ngày...../...../.....của..... (nếu có).

Giấy có giá trị đến: ...../...../..... Cấp tại ....., ngày ..../..../.....

**Kiểm dịch viên động vật**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TÊN CƠ QUAN KIỂM  
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Số: ...../CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước/Số Hộ chiếu:.....Cấp ngày ...../...../..... tại .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

<b>Loại hàng</b>	<b>Quy cách đóng gói</b>	<b>Số lượng (l)</b>	<b>Trọng lượng (kg)</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>
<b>Tổng số</b>				

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến: .....

.....

Nước xuất khẩu: ..... Nước quá cảnh (nếu có) .....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: ..... Thời gian nhập: ngày ...../...../.....

Nơi chuyển đến: .....

Các vật dụng khác có liên quan: .....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: .....

.....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có): .....

Phương tiện vận chuyển: .....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên (2):

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ ..... (nếu có).
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng ..... nồng độ .....
6. Sản phẩm động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của..... (nếu có).

Giấy có giá trị đến: ...../...../..... Cấp tại ....., ngày ..../..../.....

**Kiểm dịch viên động vật**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp,.....

(2) Kiểm dịch viên động vật gạch ngang những nội dung không thực hiện.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU**

Số: ...../ĐK-KĐĐVXX

Kính gửi: (1) .....

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước/Số Hộ chiếu: ..... Cấp ngày ...../...../.....

tại .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ ĐỘNG VẬT:**

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
			Đực	Cái		
<b>Tổng số</b>						

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Nơi xuất phát: .....

Tình trạng sức khỏe động vật: .....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh/cơ sở được giám sát dịch bệnh định kỳ với bệnh: .....

..... theo Văn bản số ...../.....ngày...../...../.....của  
..... (2) .....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ ..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

2/ ..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

3/ ..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

4/ ..... Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

- 5/ .....Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....  
 Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc-xin với các bệnh sau (*loại vắc-xin, nơi sản xuất*):  
 1/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....  
 2/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....  
 3/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....  
 4/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....  
 5/ .....tiêm phòng ngày...../...../.....

## II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

- Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....  
 .....  
 Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....  
 Cửa khẩu xuất: .....  
 Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất: .....Phương tiện vận chuyển:.....  
 Nước nhập khẩu: .....Nước quá cảnh (*nếu có*): .....  
 Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển: .....  
 Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển: .....  
 .....  
 Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm: .....  
 .....  
 .....  
 Địa điểm cách ly kiểm dịch: .....  
 Thời gian tiến hành kiểm dịch: .....  
 Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

### Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....  
 .....  
 ..... vào hồi .....giờ..... ngày ...../...../.....  
 Vào sổ đăng ký số..... ngày ...../...../.....

Đăng ký tại.....

Ngày .....tháng .....năm .....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

### KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU**

Số: ...../ĐK-KDSPĐVXX

Kính gửi: (1) .....

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): .....

Địa chỉ giao dịch: .....

Số căn cước /Số Hộ chiếu: .....Cấp ngày ...../...../..... tại .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

**I/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:**

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
<b>Tổng số</b>				

Tổng số (viết bằng chữ): .....

Cơ sở được giám sát chỉ tiêu vệ sinh thú y định kỳ/Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm, số ...../..... ngày ...../...../..... của .....(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: .....

.....

Điện thoại: .....Fax: .....

**II/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:**

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Cửa khẩu xuất: .....

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất: .....Phương tiện vận chuyển:.....

Nước nhập khẩu: .....Nước quá cảnh (nếu có): .....

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển: .....

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển: .....

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm: .....

Địa điểm cách ly kiểm dịch: .....

Thời gian tiến hành kiểm dịch: .....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH**

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi .....giờ..... ngày ...../...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày ...../...../.....

**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại.....

Ngày .....tháng .....năm .....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp, ....
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

NAME OF ANIMAL HEALTH  
ORGANIZATIONNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAMGIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU  
ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số: ...../CN-KĐĐVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter:

Tel: ..... Fax: ..... Email: .....

Nơi xuất phát của động vật: .....

Place of origin of the animal/s:

## I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

## IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu <i>Official mark</i>	Loài động vật <i>Species of animal</i>	Giống <i>Breed</i>	Tính biệt <i>Sex</i>	Tuổi <i>Age</i>	Mục đích sử dụng <i>Use for</i>

Tổng số: .....

Total:

## II. XUẤT ĐI

## DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: ..... Phương tiện vận chuyển: .....

Country of destination:

Means of transport:

Nước quá cảnh: .....

Cửa khẩu xuất: .....

Country of transit:

Point of exit:

Tên, địa chỉ người nhận hàng: .....

Name and address of consignee:

.....

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**  
**HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

*I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:*

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

*Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.*

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

*Satisfies/satisfy the following requirements:*

.....  
.....  
.....

Giấy có giá trị đến: ...../...../.....

*Valid up to*

**Bác sĩ thú y** (Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

Giấy này làm tại ..... ngày ..../..../.....

*Issued at*

*on*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR** (Signature, stamp, full name)

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG  
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH  
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU**  
**HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS**

Số: ...../CN-KDSPĐVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: .....

Name and address of exporter:

.....

Tel: ..... Fax: ..... Email: .....

Tên, địa chỉ người nhận hàng: .....

Name and address of consignee:

.....

Nước nhập khẩu: ..... Nước quá cảnh: .....

Country of destination:

Country of transit:

Cửa khẩu xuất: .....

Point of exit:

Loại sản phẩm: .....

Type of products:

Mục đích sử dụng: .....

Use for:

Quy cách đóng gói: .....

Type of package:

Số kiện hàng: ..... Khối lượng: .....

Number of package:

Net weight:

Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng: .....

Name and address of the processing establishment:

.....

Tel: ..... Fax: .....

Phương tiện vận chuyển: .....

Means of transport:

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**  
**HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:

*I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy có giá trị đến: .../...../...

*Valid up to*

**Bác sĩ thú y**(Ký, ghi rõ họ tên)  
**Veterinarian** (Signature, full name)

Giấy này làm tại ..... ngày .../.../....

*Issued at*

*on*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
**DIRECTOR**(Signature, stamp, full name)